

Bản án số: 514 /2018/HS-PT

Ngày: 19-11-2018

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Huỳnh Thị Việt Tiên

*Các Thẩm phán:* 1/ Bà Lê Kim Loan

2/ Bà Nguyễn Thị Thanh Bình

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Tuyết Nhung - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Bà Hoàng Thị Thanh Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 19/11/2018 tại Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 431/2018/TLPT-HS ngày 25 tháng 9 năm 2018 đối với các bị cáo Lê Thị T. và các bị cáo khác do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 31/2018/HSST ngày 15/8/2018 của Tòa án nhân dân huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh.

Các bị cáo kháng cáo:

**1. Lê Thị T. (tên gọi khác: Út K.);** sinh năm 1973 tại Thành phố Hồ Chí Minh; Thường trú: Số X ấp Y, xã Z, huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh; Nghề nghiệp: Nội trợ; Trình độ học vấn: 2/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lê Văn Ph. (chết) và bà Hồ Thị Ch.; hoàn cảnh gia đình: Có chồng và 02 con (lớn sinh năm 2003, nhỏ sinh năm 2005); tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo tại ngoại (Có mặt).

**2. Phạm Tuyết M. (tên gọi khác: B.);** sinh năm 1975 tại Thành phố Hồ Chí Minh; Thường trú: Số X2 ấp Y2, xã Z., huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh; Nghề nghiệp: Nội trợ; Trình độ học vấn: 2/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; Con ông Phạm Văn S. và bà Lâm Thị B2.; hoàn cảnh gia đình: Có chồng và 03 con (lớn nhất sinh năm 1994, nhỏ nhất sinh năm 2000); tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo tại ngoại (Có mặt).

**3. Phạm Thị Ng. (tên gọi khác: H.);** sinh năm 1980 tại Thành phố Hồ Chí Minh; Thường trú: Số X3 đường Y3, phường Z3, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh; tạm trú: Số X4, ấp Y4, xã Z., huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh; Nghề nghiệp: Công nhân; Trình độ học vấn: 3/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; Con ông Phạm Văn T. và bà Phạm Thị L.; hoàn cảnh gia đình: Có chồng và 02 con (lớn sinh năm 2003, nhỏ sinh năm 2009); tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo tại ngoại (Có mặt).

**4. Ngô Thị Th. (tên gọi khác: M.);** sinh năm 1973 tại Thành phố Hồ Chí Minh; Thường trú: Số X5 ấp Y5, xã Z., huyện Cần Đức, tỉnh Long An; Nghề nghiệp: Công nhân; Trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; Con ông Ngô Văn B3. và bà Trần Thị C.; hoàn cảnh gia đình: Không có chồng, con; tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo tại ngoại (Có mặt).

**5. Nguyễn Thị Hương Th2. (tên gọi khác: U.);** sinh năm 1973 tại Thành phố Hồ Chí Minh; Thường trú: Số X6, đường Y6, phường Z6, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh; tạm trú: Số X7, ấp Y7, xã Z., huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh; Nghề nghiệp: Nội trợ; Trình độ học vấn: 1/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Ngọc A. (chết) và bà Kiều Bạch N.; hoàn cảnh gia đình: Có chồng và 02 con (lớn sinh năm 1993, nhỏ sinh năm 1998); tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo tại ngoại (Có mặt).

*Người bào chữa:*

Ông Nguyễn Đình Viên, luật sư của Văn phòng luật sư Đức Tâm Counsel thuộc Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh bào chữa cho bị cáo Ngô Thị Th. (Có mặt).

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 13 giờ ngày 11/8/2017, Lê Thị T. cung cấp bài tứ sắc, tám vải (dùng trải để ngồi) và sử dụng nhà của T. (số X ấp Y, xã Z, huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh) để tổ chức đánh bạc thu tiền xâu và tham gia đánh bạc dưới hình thức đánh bài sáo hỏ thắng thua bằng tiền cùng với Nguyễn Thị Hương Th2., Phạm Tuyết M., Phạm Thị Ng.. Lúc này, T., Th2., M. và Ng. mỗi người ngồi 01 tụ và đấu chếnh 5.000.000 đồng để tham gia đánh bạc thắng thua bằng tiền cùng với nhau. Đến khoảng 13 giờ 30 phút cùng ngày, Ngô Thị Th. đến tham gia đánh bài thắng thua bằng tiền cùng với T., Th2., M. và Ng.. Th. ngồi một tụ và đấu chếnh 5.000.000 đồng để tham gia đánh bạc thắng thua bằng tiền cùng với T., Th2., M. và Ng.. Như vậy, tổng số tiền T., Th2., M., Ng. và Th. bỏ ra để đánh bạc thắng

thua bằng tiền cùng với nhau là 25.000.000 đồng. Lúc này, người làm cái sẽ chia cho mình 16 lá bài và chia cho 04 tụ còn lại, mỗi tụ 15 lá bài (loại bài tứ sắc 04 màu) để đánh với nhau, số lá bài dư còn lại gọi là bài tì sẽ được đặt chính giữa sòng bài. Khi bài của một trong những người tham gia đánh bạc không còn con rác thì coi như tới (thắng). Khi đó, người tới sẽ rút 01 lá bài trong bài tì và lật lên xem. Nếu lá bài tì lật lên trùng với một trong số các con bài mà người chơi tới, thì gọi là thắng “có” và người thắng “có” sẽ ăn được 04 người còn lại, mỗi người số tiền 200.000 đồng. Ngược lại nếu người tới lật lá bài tì lên xem, nhưng không trùng với một trong số các con bài của mình, thì gọi là thắng “úp” và chỉ ăn của 04 tụ còn lại, mỗi người 100.000 đồng. Như vậy, số tiền người tới (thắng) được trong một ván bài cao nhất là 800.000 đồng và thấp nhất là 400.000 đồng. Chénh bài sẽ kết thúc và mọi người sẽ nghỉ đánh bạc khi một trong năm người chơi có 01 người thua hết số tiền đầu chénh 5.000.000 đồng, hoặc chưa dứt chénh nhưng đến 16 giờ cùng ngày (do những người đánh bạc quy định với nhau từ trước khi đánh bạc). Khi đó, nếu người chơi đánh bạc còn dư tiền đầu chénh thì sẽ tự lấy tiền dư của mình lại và mỗi người chơi (trừ T.) sẽ xâu cho T. 50.000 đồng (nếu người nào thua hết số tiền đầu chénh thì không phải xâu cho T.). Như vậy, mỗi chénh bài kết thúc thì T. lấy xâu được từ 150.000 đồng đến 200.000 đồng. Trong quá trình đánh từng ván, người chơi thỏa thuận chỉ lấy tiền tới (thắng) về tụ của mình, nhưng không được bỏ vào người với mục đích để xác định người nào dứt chénh trước, thì sẽ kết thúc sòng bài. Đến khoảng 15 giờ cùng ngày khi T., Th2., M., Ng., Th. đang đánh bạc thắng thua bằng tiền với nhau, thì bị lực lượng Công an áp vào bắt quả tang, thu giữ trên chiếu bạc 25.000.000 đồng, 13 bộ bài tứ sắc và đưa T., Th2., M., Ng. và Th. về trụ sở lập biên bản bắt người phạm tội quả tang.

Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí M., Lê Thị T., Nguyễn Thị Hương Th2., Phạm Tuyết M., Phạm Thị Ng. và Ngô Thị Th. đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như trên và khai nhận: Từ khoảng đầu tháng 8/2017 đến ngày bị bắt quả tang (11/8/2017), T. sử dụng địa điểm nhà số X ấp Y, xã Z, huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí M., cung cấp bài tứ sắc và tám vải (trải để ngồi đánh bạc) để tổ chức cho T., Th2., M., Ng. và Th. đánh bài sáo hỏ thắng thua bằng tiền để thu tiền xâu được khoảng 4-5 lần. Mỗi lần T. thu tiền xâu được từ 150.000 đồng đến 200.000 đồng. Riêng ngày 11/8/2017, T. chưa thu được tiền xâu thì bị bắt quả tang (do chénh bài chưa kết thúc). Sòng bạc trên không có người canh giới.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 31/2018/HSST ngày 15/8/2018 của Tòa án nhân dân huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

Tuyên bố bị cáo Lê Thị T. phạm tội “Tổ chức đánh bạc” và “Đánh bạc”; các bị cáo Phạm Tuyết M., Phạm Thị Ng., Ngô Thị Th. và Nguyễn Thị Hương Th2. phạm tội “Đánh bạc”.

Áp dụng khoản 1 Điều 248; khoản 1 Điều 249; điểm h, p khoản 1 Điều 46; Điều 33; Điều 50 của Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009)

Xử phạt bị cáo Lê Thị T. 01 năm tù về tội “Tổ chức đánh bạc” và 09 (chín) tháng tù về tội “Đánh bạc”. Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo Lê Thị T. phải chấp hành là 01 (một) năm 09 (chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

Áp dụng khoản 1 Điều 248; điểm h, p khoản 1 Điều 46; Điều 33 của Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009).

Xử phạt bị cáo Phạm Tuyết M. 09 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

Áp dụng khoản 1 Điều 248; điểm h, p khoản 1 Điều 46; Điều 33 của Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009).

Xử phạt bị cáo Phạm Thị Ng. 09 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

Áp dụng khoản 1 Điều 248; điểm h, p khoản 1 Điều 46; Điều 33 của Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009).

Xử phạt bị cáo Ngô Thị Th. 09 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

Áp dụng khoản 1 Điều 248; điểm h, p khoản 1 Điều 46; Điều 33 của Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009).

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Hương Th2. 09 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

Ngoài ra, bản án hình sự sơ thẩm còn tuyên về phần xử lý vật chứng, án phí, quyền và thời hạn kháng cáo của các bị cáo.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 24/8/2018, bị cáo Lê Thị T. kháng cáo xin được giảm nhẹ hình phạt. Ngày 22/8/2018, bị cáo Nguyễn Thị Hương Th2. kháng cáo xin được hưởng án treo. Ngày 27/8/2018, bị cáo Phạm Tuyết M. kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt. Ngày 27/8/2018, bị cáo Phạm Thị Ng. kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo. Ngày 22/8/2018, bị cáo Ngô Thị Th. kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản án sơ thẩm đã xét xử đối với bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh sau khi tóm tắt nội dung, phân tích tính chất vụ án, những tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đã đề nghị Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo và giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm đối với các bị cáo T., M., Ng., Th2.. Riêng bị cáo Th. do có bệnh nặng nên có xem xét và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 65 của Bộ luật hình sự năm 2015 cho bị cáo Th. được hưởng án treo.

Luật sư Viện trình bày quan điểm bào chữa cho bị cáo Th.: Nhất trí với tội danh và điều luật mà án sơ thẩm đã xét xử đối với bị cáo. Tuy nhiên, luật sư đề

ngợi Hội đồng xét xử xem xét bị cáo phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bị cáo còn bị ung thư dạ dày, hiện mức độ, tỉ lệ tổn thương cơ thể do bệnh tật là 81%, sức khỏe rất yếu nên xin Hội đồng xét xử xem xét khoan hồng cho bị cáo được hưởng án treo cũng đủ tác dụng giáo dục và phòng ngừa.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của kiểm sát viên, luật sư và các bị cáo.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Căn cứ lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa sơ thẩm, phù hợp với lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra, kết hợp với các tài liệu chứng cứ khác đã được Cơ quan điều tra thu thập có trong hồ sơ vụ án xét đã có đủ cơ sở pháp lý kết luận:

Vào lúc 13 giờ ngày 11/8/2017, bị cáo T. cung cấp bài tứ sắc, tám vải (dùng để trải ngồi) và sử dụng nhà của T. để tổ chức đánh bạc thu tiền xâu và tham gia đánh bạc dưới hình thức đánh bài sáo hỏ thắng thua bằng tiền cùng với các bị cáo Th2., M., Ng.. Mỗi người ngồi một tụ và đấu chính 5.000.000 đồng. Đến khoảng 13 giờ 30 phút cùng ngày thì Ngô Thị Th. đến tham gia đánh bài thắng thua bằng tiền cùng với T., Th2., M., Ng. và cũng đấu chính 5.000.000 đồng. Tổng cộng số tiền của 05 bị cáo dùng để đánh bạc là 25.000.000 đồng. Đến khoảng 15 giờ cùng ngày khi T., Th2., M., Ng. và Th. đang đánh bạc thắng thua bằng tiền với nhau thì bị lực lượng công an bắt quả tang, thu giữ trên chiếu bạc 25.000.000 đồng và 13 bộ bài tứ sắc.

Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí M., Lê Thị T., Nguyễn Thị Hương Th2., Phạm Tuyết M., Phạm Thị Ng. và Ngô Thị Th. đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như trên và khai nhận: Từ khoảng đầu tháng 8/2017 đến ngày bị bắt quả tang (11/8/2017), T. sử dụng địa điểm nhà số 6/3 Tổ 13, ấp 4, xã Z., huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí M., cung cấp bài tứ sắc và tám vải (trải để ngồi đánh bạc) để tổ chức cho T., Th2., M., Ng. và Th. đánh bài sáo hỏ thắng thua bằng tiền để thu tiền xâu được khoảng 4-5 lần. Mỗi lần T. thu tiền xâu được từ 150.000 đồng đến 200.000 đồng. Riêng ngày 11/8/2017, T. chưa thu được tiền xâu thì bị bắt quả tang (do chính bài chưa kết thúc). Ngoài hành vi “tổ chức đánh bạc”, bị cáo T. còn tham gia đánh bạc cùng với các bị cáo Th2., M., Ng. và Th..

[2] Với hành vi như đã nêu trên của các bị cáo, xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo Lê Thị T. về tội “Tổ chức đánh bạc” và “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 248; khoản 1 Điều 249 của Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); xét xử các bị cáo Phạm Tuyết M., Phạm Thị Ng., Ngô Thị Th., Nguyễn Thị Hương Th2. về tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 248 của Bộ luật hình sự năm

1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009) là có cơ sở, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế, gây ảnh hưởng đến trật tự trị an và làm ảnh hưởng đến cuộc sống kinh tế của nhiều gia đình trong xã hội. Do đó, cần xử phạt các bị cáo mức án nghiêm khắc để giáo dục, răn đe đối với các bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

[4] Sau khi xét xử sơ thẩm, các bị cáo Lê Thị T., Phạm Tuyết M., Phạm Thị Ng. kháng cáo xin được giảm nhẹ hình phạt. Bị cáo Ngô Thị Th., Nguyễn Thị Hương Th2. kháng cáo xin được hưởng án treo.

Hội đồng xét xử xét thấy: Đối với các bị cáo Lê Thị T., Phạm Tuyết M., Phạm Thị Ng., Hội đồng xét xử cấp sơ thẩm đã xem xét đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo, mức án mà Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng đối với các bị cáo phù hợp với hành vi phạm tội của các bị cáo gây ra. Tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo không trình bày thêm tình tiết gì mới. Mặt khác, xét tính nguy hiểm cho xã hội do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra nghĩ nên giữ nguyên bản án sơ thẩm, không chấp nhận kháng cáo của bị cáo T., M., Ng.. Đối với bị cáo Ngô Thị Th. tại phiên tòa hôm nay bị cáo trình bày hoàn cảnh gia đình khó khăn, bị cáo đã nộp 5.000.000 đồng khắc phục hậu quả, bị cáo đã nhận thức được sai phạm của mình, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo bị bệnh ung thư dạ dày từ năm 2011, đã điều trị bằng phương pháp hóa trị. Xét thấy bị cáo Th. bị bệnh hiểm nghèo, bị cáo Th2. hoàn cảnh gia đình khó khăn, là lao động chính trong gia đình (có xác nhận của chính quyền địa phương), đã nộp tiền khắc phục hậu quả nên không cần áp dụng hình phạt tù đối với bị cáo Th2. và bị cáo Th. mà cho hai bị cáo được hưởng án treo theo Điều 65 của Bộ luật hình sự năm 2015 cũng đủ tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 355, Điều 356, điểm e khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

1. Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Ngô Thị Th., Nguyễn Thị Hương Th2.. Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Lê Thị T., Phạm Tuyết M., Phạm Thị Ng. và sửa một phần bản án hình sự sơ thẩm.

Tuyên bố bị cáo **Lê Thị T. (tên gọi khác: Út K.)** phạm tội “Tổ chức đánh bạc” và “Đánh bạc”; các bị cáo **Phạm Tuyết M. (tên gọi khác: B.), Phạm Thị Ng. (tên gọi khác: H.), Ngô Thị Th. (tên gọi khác: M.)** và **Nguyễn Thị Hương Th2. (tên gọi khác: U.)** phạm tội “Đánh bạc”.

Áp dụng khoản 1 Điều 248; khoản 1 Điều 249 của Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009); điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 55 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo Lê Thị T. 01 năm tù về tội “Tổ chức đánh bạc” và 09 (chín) tháng tù về tội “Đánh bạc”. Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo Lê Thị T. phải chấp hành là 01 (một) năm 09 (chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

Áp dụng khoản 1 Điều 248 của Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009); điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo Phạm Tuyết M. 09 (chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

Áp dụng khoản 1 Điều 248 của Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009); điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo Phạm Thị Ng. 09 (chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

Áp dụng khoản 1 Điều 248 của Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009); điểm i, s khoản 1 Điều 51; khoản 1, khoản 2, khoản 5 Điều 65 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Hương Th2. 09 (chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao bị cáo về xã Z., huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh để giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.

Gia đình bị cáo Nguyễn Thị Hương Th2. có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo. Trong trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu bị cáo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật hình sự năm 2015.

Áp dụng khoản 1 Điều 248 của Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009); điểm i, s khoản 1 Điều 51; khoản 1, khoản 2, khoản 5 Điều 65 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo Ngô Thị Th. 09 (chín) tháng tù nhưng cho bị cáo được hưởng án treo. Thời gian thử thách là 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao bị cáo về xã Phước Tuy, huyện Cần Đức, tỉnh Long An để giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.

Gia đình bị cáo Ngô Thị Th. có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo. Trong trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu bị cáo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật hình sự năm 2015.

2. Bị cáo Ngô Thị Th., Nguyễn Thị Hương Th2. không phải nộp án phí hình sự phúc thẩm. Các bị cáo Lê Thị T., Phạm Tuyết M., Phạm Thị Ng., phải nộp mỗi người 200.000 (hai trăm ngàn) đồng án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không có kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- TAND TC; (1)
- TAND cấp cao tại Tp.HCM (1)
- VKSND cấp cao tại Tp.HCM (1)
- VKSND Tp.HCM; (3)
- VKSND huyện Nhà Bè; (1)
- P.PC 53 – CA Tp.HCM; (1)
- Cục THADS Tp.HCM (1)
- Chi cục THA huyện Nhà Bè; (1)
- Bị cáo; (5)
- Trại giam; (10)
- TAND huyện Nhà Bè; (2)
- Công an huyện Nhà Bè; (1)
- Sở Tư pháp; (1)
- UBND nơi bị cáo cư trú; (5)
- Lưu: VT, THS, hồ sơ; (42) (8)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Huỳnh Thị Việt Tiên**